

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1169/2023/DS-PT
Ngày: 12-12-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Tài

Ông Bùi Hữu Nhân

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Tiến Thịnh, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12/12/2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 456/2023/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2023, về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 201/2023/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 5434/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1

Trụ sở: Tòa nhà S, Số A P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1: Ông Võ Hoàng Đăng D; địa chỉ liên hệ: Tầng F Tòa nhà P, số B U, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền số 179666.23 ngày 20/11/2023) (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số F L, Tổ A, Khu phố D, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

- Người kháng cáo: nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án có ông Giang T1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 (viết tắt là nguyên đơn) và bà Nguyễn Thị T (viết tắt là bị đơn) có kí các thỏa thuận như sau:

- Theo hợp đồng tín dụng số 0136.HĐTD-VIB638.18 ngày 25/01/2018, số tiền nguyên đơn cho bị đơn vay là 784.000.000 đồng; thời hạn vay là 72 tháng. Nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn theo đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ ngày 26/01/2018 số tiền vay 784.000.000 đồng; mục đích giải ngân thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA (theo hợp đồng mua bán xe ô tô số 1743/HĐB.CN-17 ngày 05/01/2018, giữa bà Nguyễn Thị T và ông Trần Phúc Q; lãi suất tại thời điểm giải ngân 8.49%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu, hết thời hạn nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của V tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4.19%/năm; phương thức hoàn trả khoản vay: trả gốc và lãi vào ngày 25 hàng tháng, mỗi kì trả số tiền gốc 10.890.000 đồng và tiền lãi, phần gốc còn lại đóng vào kì cuối 10.810.000 đồng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA số loại: FORTUNER, loại xe: Ô tô con, màu sơn: BẠC, biển số đăng ký 51G-420.81, số máy: 2GDC192897, số khung: 8GS8H0513638 hiện còn do bà Nguyễn Thị T đứng tên chủ sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 310824 do Công an Thành phố H cấp ngày 25/01/2018.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị T đã thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền 368.267.977 đồng, trong đó: nợ gốc là 243.069.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 125.198.977 đồng. Kể từ ngày 25/12/2019, bà Nguyễn Thị T đã ngưng thanh toán nợ cho Ngân hàng. Ngày 25/12/2019, ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ nêu trên sang nợ quá hạn.

Tạm tính đến ngày 24/5/2023 thì bà Nguyễn Thị T còn nợ nguyên đơn số tiền 906.369.265 đồng, trong đó: nợ gốc là 540.931.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 5.633.046 đồng; nợ lãi quá hạn là 359.805.219 đồng.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng, nguyên đơn khởi kiện bị đơn thanh toán tiền còn nợ lại của hợp đồng nêu trên tạm tính đến ngày 24/5/2023 tổng cộng số tiền là 906.369.265 đồng, trong đó: nợ gốc là 540.931.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 5.633.046 đồng; nợ lãi quá hạn là 359.805.219 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày 25/5/2023, bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục chịu lãi trên số tiền gốc chậm thi hành cho đến khi trả xong nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng số 0136.HĐTD-VIB638.18 ngày 25/01/2018 và đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ ngày 26/01/2018.

- Theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 31/5/2019 và được nguyên đơn phê duyệt ngày 31/5/2019, hạn mức thẻ là 50.000.000 đồng.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Nguyễn Thị T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 48.000.000 đồng, lãi phát sinh là 39.782.102 đồng phí phát sinh là

117.005.841 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, bà Nguyễn Thị Thanh thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 517.248 đồng, số tiền nợ lãi là 6.999.496 đồng, số tiền phí đã thanh toán là 12.123.393 đồng. Đến tháng 10/2021, bà T không thanh toán nữa. Qua nhiều lần làm việc và nhắc nhở nhưng bà Nguyễn Thị T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do đó, ngày 26/10/2021 nguyên đơn đã chuyển toàn bộ nợ thẻ trên sang nợ quá hạn và chấm dứt quyền sử dụng thẻ vào ngày 26/10/2021.

Tính đến ngày 24/5/2023, bà Nguyễn Thị T còn nợ thẻ tín dụng tổng số tiền là 185.147.806 đồng, trong đó nợ gốc là 47.482.752 đồng, nợ lãi là 32.782.606 đồng, nợ phí là 104.882.448 đồng.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên nguyên đơn khởi kiện bị đơn thanh toán tiền còn nợ thẻ tín dụng là 185.147.806 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 47.482.752 đồng, số tiền nợ lãi là 32.782.606 đồng, số tiền nợ phí là 104.882.448 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Giang T1 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác nhận: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên đề nghị bị đơn trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền còn nợ của hợp đồng vay tiền và nợ thẻ tính đến ngày 20/7/2023, với tổng số tiền là 1.107.688.092 đồng, bao gồm:

- Số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng số 0136.HĐTD-VIB638.18 ngày 25/01/2018 là 922.540.286 đồng, trong đó: số tiền nợ gốc là 540.931.000 đồng; Số tiền nợ lãi trong hạn là 5.633.046 đồng; Số tiền nợ lãi quá hạn là 375.976.240 đồng. Ngoài ra kể từ ngày 21/7/2023, bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục chịu lãi trên số tiền gốc chậm thi hành án cho đến khi trả xong nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận của Hợp đồng hợp đồng tín dụng số 0136.HĐTD-VIB638.18 ngày 25/01/2018 và đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số: 0136.KUNN-VIB638.18 ngày 26/01/2018.

- Số tiền nợ thẻ theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 31/5/2019 và được nguyên đơn phê duyệt ngày 31/5/2019 là 185.147.806 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 47.482.752 đồng, số tiền nợ lãi là 32.782.606 đồng và số tiền nợ phí là 104.882.448 đồng.

Nguyên đơn xác định chỉ khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ theo hợp đồng vay và tiền nợ thẻ tín dụng nêu trên, không đề nghị Tòa xem xét giải quyết đối với Hợp đồng thế chấp xe 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA số loại: FORTUNER, loại xe: Ô tô con, màu sơn: BẠC, biển số đăng ký 51G-420.81, số máy: 2GDC192897, số khung: 8GS8H0513638 hiện còn do bà Nguyễn Thị T đứng tên chủ sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 310824 do Công an Thành phố H cấp ngày 25/01/2018. Đồng thời khi bà Thanh thanh toán xong khoản nợ thì Ngân hàng sẽ trả lại bản chính giấy đăng ký xe thế chấp. Nguyên đơn chỉ đề nghị bà T có trách nhiệm thanh toán tiền nợ nêu trên ngoài ra không yêu cầu ai khác có trách nhiệm thanh toán nợ.

Về phía bị đơn bà Nguyễn Thị T trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 7 đã nhiều lần triệu tập bà T đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định pháp luật nhưng bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì, vắng mặt không có lý do, không có văn bản, ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn, người đại diện của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã vi phạm quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các hợp đồng tín dụng đã ký thì thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 201/2023/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 91; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 91 và Khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật phí, lệ phí và Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung 2014;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1.

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 tổng số tiền nợ tính đến ngày 20/7/2023 là 1.107.688.092 (Một tỷ một trăm lẻ bảy triệu sáu trăm tám mươi tám ngàn không trăm chín mươi hai) đồng, bao gồm:

- Số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng số 0136.HĐTD-VIB638.18 ngày 25/01/2018 là 922.540.286 (Chín trăm hai mươi hai triệu năm trăm bốn mươi ngàn hai trăm tám mươi sáu) đồng, trong đó:

+ Số tiền nợ gốc là 540.931.000 (Năm trăm bốn mươi triệu chín trăm ba mươi mốt ngàn) đồng;

+ Số tiền nợ lãi trong hạn là 5.633.046 (Năm triệu sáu trăm ba mươi ba ngàn không trăm bốn mươi sáu) đồng;

+ Số tiền nợ lãi quá hạn là 375.976.240 (Ba trăm bảy mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi sáu ngàn hai trăm bốn mươi) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục chịu lãi trên số tiền gốc chậm thi hành án cho đến khi trả xong nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn tại Hợp đồng tín dụng số 0136.HĐTD-VIB638.18 ngày 25/01/2018 và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 0136.KUNN-VIB638.18 ngày 26/01/2018.

Nguyên đơn có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị T bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 310824 do Công an Thành phố H cấp ngày 25/01/2018 cho bà Nguyễn Thị T, ngay khi bà Nguyễn Thị Thanh thanh t hết nợ.

- Số tiền nợ thẻ theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 31/5/2019 và được nguyên đơn phê duyệt ngày 31/5/2019 là 185.147.806 (Một trăm tám mươi lăm triệu một trăm bốn mươi bảy ngàn tám trăm lẻ sáu) đồng, trong đó:

+ Số tiền nợ gốc là 47.482.752 (Bốn mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi hai ngàn bảy trăm năm mươi hai) đồng;

+ Số tiền nợ lãi là 32.782.606 (Ba mươi hai triệu bảy trăm tám mươi hai ngàn sáu trăm lẻ sáu) đồng;

+ Số tiền nợ phí là 104.882.448 (Một trăm lẻ bốn triệu tám trăm tám mươi hai ngàn bốn trăm bốn mươi tám) đồng.

1.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu là 45.230.634 (Bốn mươi lăm triệu hai trăm ba mươi ngàn sáu trăm ba mươi bốn) đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.225.293 (Mười tám triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn hai trăm chín mươi ba) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0013583 ngày 27/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Ngày 02/8/2023 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 là nguyên đơn nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về quyết định “Nguyên đơn có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị T bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 310824 do Công an Thành phố H cấp ngày 25/01/2018 cho bà Nguyễn Thị T, ngay khi bà Nguyễn Thị Thanh thanh t hết nợ”. Nguyên đơn cho rằng căn cứ đơn khởi kiện, quá trình thu thập chứng cứ tại tòa án và theo quy định tại

khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự thì cấp sơ thẩm tuyên và quyết định nội dung ngân hàng phải trả giấy tờ xe ô tô mà bà T đã thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo khoản vay nợ là vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, hủy bỏ phần nội dung nêu trên tại quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 có ông Võ Hoàng Đăng D làm người đại diện theo ủy quyền vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm hủy bỏ quyết định của bản án sơ thẩm nội dung “Nguyên đơn có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị T bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 310824 do Công an Thành phố H cấp ngày 25/01/2018 cho bà Nguyễn Thị T, ngay khi bà Nguyễn Thị Thanh thanh t hết nợ”.

- Bị đơn là bà Nguyễn Thị T đã được tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý phúc thẩm vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:

Về Chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Chủ tọa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật dân sự.

Về nội dung: Đơn kháng cáo của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 làm và nộp trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm. Xét kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 là không có căn cứ nên không có cơ sở chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 201/2023/DS-ST ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Ngày 20/7/2023 Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm và tuyên án vụ án. Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 nộp đơn kháng cáo bản án vào ngày 02/8/2023 là còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định tại Điều 276 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó đơn kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 được chấp nhận xem xét tại cấp phúc thẩm.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị T không kháng cáo đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Xét kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 yêu cầu Tòa án buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị T phải trả tổng số tiền vốn, lãi của hợp đồng tín dụng số 0136.HĐTD-VIB638.18 ngày 25/01/2018 và tiền nợ thẻ tín dụng tính đến ngày 20/7/2023 với tổng số tiền là 1.107.688.092 đồng là có căn cứ. Nguyên đơn không đề nghị Tòa xem xét giải quyết đối với Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải là xe 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA số loại: FORTUNER, loại xe: Ô tô con, màu sơn: BẠC, biển số đăng ký 51G-420.81, số máy: 2GDC192897, số khung: 8GS8H0513638 hiện do ba Nguyễn Thị T đứng tên chủ sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 310824 do Công an Thành phố H cấp ngày 25/01/2018 nhưng tại biên bản phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn đã xác nhận khi bà Thanh thanh t xong khoản nợ thì Ngân hàng sẽ trả lại bản chính giấy đăng ký xe thế chấp. Xét tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết đối với Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ đối với hợp đồng tín dụng số 0136.HĐTD-VIB638.18 ngày 25/01/2018 là đúng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc án sơ thẩm quyết định: “Nguyên đơn có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị T bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 310824 do Công an Thành phố H cấp ngày 25/01/2018 cho bà Nguyễn Thị T, ngay khi bà T trả hết nợ” là đúng với ý chí của nguyên đơn, đồng thời cũng đúng thỏa thuận về quyền và nghĩa vụ của các bên khi ký kết Hợp đồng thế chấp.

Do đó, án sơ thẩm không giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc hủy bỏ nội dung trên là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định trên cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 201/2023/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 293, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Luật Thi hành án dân sự 2009 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1.

Buộc bà Nguyễn Thị T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 tổng số tiền nợ tính đến ngày 20/7/2023 là 1.107.688.092 (Một tỷ một trăm lẻ bảy triệu sáu trăm tám mươi tám ngàn không trăm chín mươi hai) đồng, bao gồm:

- Số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng số 0136.HĐTD-VIB638.18 ngày 25/01/2018 là 922.540.286 (Chín trăm hai mươi hai triệu năm trăm bốn mươi ngàn hai trăm tám mươi sáu) đồng, trong đó:

- + Số tiền nợ gốc là 540.931.000 (Năm trăm bốn mươi triệu chín trăm ba mươi một ngàn) đồng;

- + Số tiền nợ lãi trong hạn là 5.633.046 (Năm triệu sáu trăm ba mươi ba ngàn không trăm bốn mươi sáu) đồng;

- + Số tiền nợ lãi quá hạn là 375.976.240 (Ba trăm bảy mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi sáu ngàn hai trăm bốn mươi) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục chịu lãi trên số tiền gốc chậm thi hành án cho đến khi trả xong nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn tại Hợp đồng tín dụng số 0136.HĐTD-VIB638.18 ngày 25/01/2018 và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 0136.KUNN-VIB638.18 ngày 26/01/2018.

Nguyên đơn có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị T bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 310824 do Công an Thành phố H cấp ngày 25/01/2018 cho bà Nguyễn Thị T, ngay khi bà Nguyễn Thị Thanh thanh t hết nợ.

- Số tiền nợ thẻ theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 31/5/2019 và được nguyên đơn phê duyệt ngày 31/5/2019 là 185.147.806 (Một trăm tám mươi lăm triệu một trăm bốn mươi bảy ngàn tám trăm lẻ sáu) đồng, trong đó:

- + Số tiền nợ gốc là 47.482.752 (Bốn mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi hai ngàn bảy trăm năm mươi hai) đồng;

- + Số tiền nợ lãi là 32.782.606 (Ba mươi hai triệu bảy trăm tám mươi hai ngàn sáu trăm lẻ sáu) đồng;

- + Số tiền nợ phí là 104.882.448 (Một trăm lẻ bốn triệu tám trăm tám mươi hai ngàn bốn trăm bốn mươi tám) đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu là 45.230.634 (Bốn mươi lăm triệu hai trăm ba mươi ngàn sáu trăm ba mươi bốn) đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.225.293 (Mười tám triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn hai trăm chín mươi ba) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0013583 ngày 27/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 phải chịu là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2023/0037158 ngày 22/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao (Tại Tp.HCM);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao (Tại Tp.HCM);
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM;
- Thi hành án dân sự Quận 7;
- Tòa án nhân dân Quận 7;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Dũng